

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Trung và ông Võ Kỳ Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Loan - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa: Ông Phan Công Đồ - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2019/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Mỹ L - sinh năm 1996

Trú tại: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Phú Yên

2. *Bị đơn:* Anh Võ Kỳ H - sinh năm 1996

Trú tại: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

3. *Người làm chứng:* Bà Lê Thị T - sinh năm 1966

Trú tại: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

Nguyên đơn có mặt; Bị đơn và người làm chứng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/08/2019 và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ L trình bày: Chúng tôi tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào ngày 14/11/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình sống chung với nhau thì cách sống, cách nói chuyện không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã được hai bên gia đình tiến hành khuyên giải hàn gắn tình cảm nhưng không được, vợ chồng không còn sống chung với nhau cách đây khoảng 2 năm, nay tôi không còn tình cảm với anh H, không thể quay lại để tiếp tục sống chung với anh H nên tôi yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên Trương Đại N - sinh ngày 23/11/2014. Hiện nay con đang sống với tôi. Tôi yêu cầu nuôi con chung và không yêu

cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy An triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Người làm chứng bà Lê Thị T vắng mặt tại phiên toà, nhưng tại biên bản xác minh ngày 02/10/2019 bà T đã trình bày: Bà T là mẹ ruột của anh Võ Kỳ H, sinh năm 1996 là bị đơn trong vụ án xin ly hôn với chị Trương Thị Mỹ L. Hiện nay, anh H làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh, nhưng anh H không cung cấp địa chỉ nên bà T không biết địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh H, anh H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Bà T đã nhận các thông báo làm việc của Tòa án và cam đoan đã thông báo cho anh H biết nhưng anh H nói không về giải quyết được do công ty không cho nghỉ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh H như sau: Sau khi kết hôn, chị L và anh H chung sống với nhau ở bên phía gia đình chị L ở huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên, anh H thường xuyên đi làm ở xa nên tình cảm vợ chồng không còn khăng khít dẫn đến chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không còn sống chung cách đây khoảng 03 năm. Qua trao đổi, anh H có nói không quay lại sống với chị L được nữa, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung của chị L và anh H có 01 con chung tên Trương Đại N, sinh năm 2014. Hiện nay do chị L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Do sau khi cưới thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không có tài sản chung.

Tôi xác định anh H đang đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh thỉnh thoảng có về địa phương, khi về thì sinh sống chung với vợ chồng tôi nên tôi cam đoan sẽ nhận toàn bộ thông báo và giao lại cho anh H.

Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm điều 70, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tuy An nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Võ Kỳ H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Xuân Hòa, xã An Hải, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Quá trình chuẩn bị xét xử,

Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Mỹ L và anh Võ Kỳ H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn ngày 14/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị L trình bày, sau khi kết hôn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cách sống, ứng xử không hợp nhau dẫn đến cãi nhau, gia đình hai bên có khuyên bảo hàn gắn tình cảm nhưng không được, vợ chồng không còn sống chung với nhau cách đây 2 năm.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa, nên phải chịu trách nhiệm về việc không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị L và anh H là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn nên đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, cho L được ly hôn với anh H

- Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị L thừa nhận vợ chồng có 01 con chung tên Trương Đại N - sinh ngày 23/11/2014, hiện đang sống với chị L.

Theo giấy khai sinh số 78/2014, quyển số 01/2014, đăng ký ngày 17/3/2014 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên cấp cho Trương Đại N - sinh ngày 23/11/2014, không xác định cha. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 02/10/2019 bà Lê Thị T (mẹ của anh H) xác nhận cháu N là con chung của chị L, anh H. Vì vậy, đủ căn cứ xác định cháu Trương Đại N - sinh ngày 23/11/2014 là con chung của chị Trương Thị Mỹ L, anh Võ Kỳ H.

Chị L yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của chị L là tự nguyện và có căn cứ nên chấp nhận giao cháu N cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định, nhưng được khấu trừ vì đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Mỹ L

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Mỹ L được ly hôn với anh Võ Kỳ H
2. Về con chung: Chị Trương Thị Mỹ L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trương Đại N - sinh ngày 23/11/2014. Anh Võ Kỳ H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0011681 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã An Hải, H. Tuy An;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Tùng